

**CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
LIÊN ĐOÀN ĐIỀN KINH VIỆT NAM**



KẾT QUẢ THI ĐẤU

**GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH QUỐC GIA
CÁC NỘI DUNG TIẾP SỨC LẦN THỨ III
NĂM 2024**

Đà Lạt, tháng 12 – 15 tháng 9 năm 2024

KẾT QUẢ THI ĐẦU
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH QUỐC GIA CÁC NỘI DUNG TIẾP SỨC NĂM 2024

Đà Lạt - Lâm Đồng từ ngày 10-15/9/2024



HỆ VÔ ĐỊCH

Tiếp sức 4x100m (Hệ Vô địch) - Nam - Chung kết

9.40

KL Quốc gia:

39.87/Vũ-Tú-Lợi-Nghĩa/ĐTQG/2022/Hà Nội

12/09/2024

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	127	Lê Trung Kiên	07/02/2001	Công An Nhân Dân	39.7 Phá kỷ lục Quốc gia	KT	HCV
	126	Nguyễn Tiến Hùng	09/01/2003				
	128	Lâm Quang Huy	04/05/2008				
	125	Ngân Ngọc Nghĩa	20/07/1998				
2	268	Nguyễn Đăng Khoa	04/05/1999	TP Hồ Chí Minh	39.8	KT	HCB
	270	Nguyễn Anh Bằng	23/11/1997				
	271	Bùi Hồng Anh	20/02/2002				
	269	Châu Nguyên Phú	10/07/2001				
3	243	Hoàng Văn Sơn	08/03/2000	Quân Đội	40.6	KT	HCB
	242	Nguyễn Văn Đức	26/03/1999				
	241	Bùi Văn Nghiêm	20/05/1995				
	240	Trịnh Việt Tú	20/06/1995				
4	312	Nguyễn Tuấn Vũ	21/01/2000	Thanh Hóa	40.9	KT	
	311	Lương Văn Thao	09/09/1995				
	314	Nguyễn Hùng Việt	06/01/2004				
	310	Quách Công Lịch	27/08/1993				
5	116	Bùi Nguyễn Hoàng Huy	30/05/2005	Bình Dương	41.4	KT	
	111	Nguyễn Văn Châu	06/06/1999				
	112	Trần Văn Hải	03/01/1995				
	113	Trần Thanh Thái	21/05/2003				

Tiếp sức 4x200m (Hệ Vô địch) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia:

1:24.06/Sơn-Hùng-Anh-Nghĩa/CAND/2023/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	271	Bùi Hồng Anh	20/02/2002	TP Hồ Chí Minh	1:25.7	KT	HCV
	270	Nguyễn Anh Bằng	23/11/1997				
	268	Nguyễn Đăng Khoa	04/05/1999				
	269	Châu Nguyên Phú	10/07/2001				
2	159	Nguyễn Xuân Quang	12/02/2004	Hà Nội	1:26.2	KT	HCB
	157	Nguyễn Bá Kiên	08/02/2003				
	152	Nguyễn Tùng Lâm	18/08/1999				
	158	Nguyễn Văn Quyết	18/09/2003				

3	242	Nguyễn Văn Đức	26/03/1999	Quân Đội	1:26.4	KT	HCD
	244	Bùi Minh Dương	13/01/2000				
	240	Trịnh Việt Tú	20/06/1995				
	241	Bùi Văn Nghiêm	20/05/1995				
4	312	Nguyễn Tuấn Vũ	21/01/2000	Thanh Hóa	1:27.0	KT	
	311	Lương Văn Thao	09/09/1995				
	310	Quách Công Lịch	27/08/1993				
	314	Nguyễn Hùng Việt	06/01/2004				
5	195	Phan Dương Minh	05/03/1997	Khánh Hòa	1:27.1	KT	
	194	Phạm Hữu Thắng	09/11/1998				
	198	Trần Huy Tiến	31/03/2005				
	192	Trần Nhật Hoàng	31/05/2000				
6	115	Trần Huỳnh Hải Nam	29/03/2007	Bình Dương	1:30.8		
	114	Phạm Minh Nhựt	07/02/2008				
	112	Trần Văn Hải	03/01/1995				
	113	Trần Thanh Thái	21/05/2003				
7	127	Lê Trung Kiên	07/02/2001	Công An Nhân Dân	PQ		
	129	Triệu Thái Sơn	04/09/2004				
	128	Lâm Quang Huy	04/05/2008				
	125	Ngân Ngọc Nghĩa	20/07/1998				

Tiếp sức 4x400m (Hệ Vô địch) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 3:07.34/Hoàng-Son-Lâm -Phúc/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	159	Nguyễn Xuân Quang	12/02/2004	Hà Nội	3:07.5	KT	HCV
	151	Nguyễn Đức Sơn	11/03/1999				
	152	Nguyễn Tùng Lâm	18/08/1999				
	158	Nguyễn Văn Quyết	18/09/2003				
2	312	Nguyễn Tuấn Vũ	21/01/2000	Thanh Hóa	3:11.2	KT	HCB
	314	Nguyễn Hùng Việt	06/01/2004				
	310	Quách Công Lịch	27/08/1993				
	311	Lương Văn Thao	09/09/1995				
3	196	Ngô Quốc Khánh	04/08/2003	Khánh Hòa	3:11.3	KT	HCD
	203	Ngô Tuấn Vũ	28/04/2007				
	193	Trần Anh Cường	13/01/1997				
	192	Trần Nhật Hoàng	31/05/2000				
4	131	Lý Xuân Mạnh	21/08/2007	Công An Nhân Dân	3:17.8	C1	
	126	Nguyễn Tiến Hùng	09/01/2003				
	125	Ngân Ngọc Nghĩa	20/07/1998				
	129	Triệu Thái Sơn	04/09/2004				

Tiếp sức 4x800m (Hệ Vô địch) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 7:35.09/Hoàng-T.Anh-Dũng-Đảng/Hà Nội/2022/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	139	Lê Hữu Lộc	05/01/1995	Đồng Nai	8:17.6		HCV
	140	Sầm Văn Đồi	14/07/1999				
	138	Trương Nhật Linh	20/11/2000				
	137	Lương Đức Phước	28/05/2002				
2	159	Nguyễn Xuân Quang	12/02/2004	Hà Nội	8:17.8		HCB
	153	Vũ Hoàng	08/11/1998				
	156	Giang Văn Dũng	03/01/2001				
	154	Trần Văn Đảng	05/02/2000				
3	211	Nguyễn Đình Hiếu	10/01/2006	Khánh Hòa	8:39.6		HCD
	209	Trương Công Đức Hợp	04/04/2007				
	212	Nguyễn Tấn Phát	10/06/2007				
	207	Nguyễn Lê Hoàng Vũ	17/10/2006				

Tiếp sức 4x100m (Hệ Vô địch) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 43.88/Tuyền-Quyên-Hoa-Chinh/ĐTQG/2017/Malaysia

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	163	Nguyễn Thị Linh	29/08/2002	Hà Nội	45.2	KT	HCV
	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999				
	161	Nguyễn Thị Hằng	16/01/1997				
	164	Phùng Thị Huệ	28/01/2003				
2	255	Nguyễn Thị Hồng Vân	03/08/2001	Quân Đội	45.6	KT	HCB
	254	Hoàng Dur Ý	19/07/2004				
	256	Quách Thị Hồng Thúy	26/02/2002				
	253	Bùi Thị Nguyên	02/09/2001				
3	288	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009	TP Hồ Chí Minh	46.0	KT	HCD
	287	Đoàn Thị Thùy Trang	29/01/2004				
	285	Hà Thị Thu	29/07/1997				
	286	Lưu Kim Phụng	01/09/1996				
4	118	Tiền Thị Thúy Kiều	02/01/2005	Cần Thơ	46.1	KT	
	120	Đỗ Thị Mỹ Duyên	04/05/2007				
	119	Phan Huỳnh Như	26/08/2007				
	117	Bùi Thị Khỏe	01/03/2000				

Tiếp sức 4x200m (Hệ Vô địch) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 1:34.95/Phụng-Tuyền-Thu-Chinh/TP.HCM/2017/TP. HCM

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	164	Phùng Thị Huệ	28/01/2003	Hà Nội	1:36.1	KT	HCV
	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999				
	162	Nguyễn Thị Kim Ngọc	04/11/2001				
	161	Nguyễn Thị Hằng	16/01/1997				

2	255	Nguyễn Thị Hồng Vân	03/08/2001	Quân Đội	1:38.0	KT	HCB
	254	Hoàng Dur Ý	19/07/2004				
	256	Quách Thị Hồng Thúy	26/02/2002				
	253	Bùi Thị Nguyên	02/09/2001				
3	232	Lô Thị Chúc	23/04/2007	Nghệ An	1:38.3	KT	HCB
	228	Lô Thị Thúy Hương	23/05/2003				
	227	Kha Thanh Trúc	18/08/2001				
	229	Lê Thị Tuyết Mai	03/01/2006				
4	286	Lưu Kim Phụng	01/09/1996	TP Hồ Chí Minh	1:39.1	KT	
	287	Đoàn Thị Thùy Trang	29/01/2004				
	288	Nguyễn Mỹ Quyên	17/07/2009				
	285	Hà Thị Thu	29/07/1997				
5	320	Nguyễn Ngọc Thảo My	10/05/2010	Thanh Hóa	1:43.7	C1	
	318	Quách Thị Hồng Nhung	16/05/2007				
	319	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010				
	317	Quách Thị Lan	18/10/1995				
6	123	Trương Nguyễn Như Ngọc	17/03/2007	Cần Thơ	2:00.4		
	120	Đỗ Thị Mỹ Duyên	04/05/2007				
	122	Châu Tiểu Phụng	31/08/2008				
	118	Tiền Thị Thúy Kiều	02/01/2005				

Tiếp sức 4x400m (Hệ Vô địch) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 3:30.81/Lan-Hàng-Hạnh-Ngọc/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999	Hà Nội	3:44.4	KT	HCV
	162	Nguyễn Thị Kim Ngọc	04/11/2001				
	160	Khuất Phương Anh	11/12/1997				
	161	Nguyễn Thị Hằng	16/01/1997				
2	227	Kha Thanh Trúc	18/08/2001	Nghệ An	3:45.1	KT	HCB
	230	Bùi Thị Nhuận	25/09/2002				
	228	Lô Thị Thúy Hương	23/05/2003				
	229	Lê Thị Tuyết Mai	03/01/2006				
3	319	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010	Thanh Hóa	3:56.6	C1	HCB
	318	Quách Thị Hồng Nhung	16/05/2007				
	320	Nguyễn Ngọc Thảo My	10/05/2010				
	317	Quách Thị Lan	18/10/1995				
4	121	Trần Thị Tuyết Nga	22/02/2006	Cần Thơ	4:04.3		
	120	Đỗ Thị Mỹ Duyên	04/05/2007				
	119	Phan Huỳnh Như	26/08/2007				
	118	Tiền Thị Thúy Kiều	02/01/2005				

5	309	Nguyễn Thị Huyền Anh	12/09/2011	Thái Bình	4:12.4		
	308	Nguyễn Thị Mỹ	19/09/2009				
	306	Ngô Thị Khánh Ny	18/10/2001				
	307	Phạm Thị Trà	16/09/2007				

Tiếp sức 4x800m (Hệ Vô địch) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 8:49.86/Hà-Duyên-Bích-Ngân/Nam Định/2022/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999	Hà Nội	9:21.9		HCV
	177	Nguyễn Thị Kim Thanh	31/03/2006				
	161	Nguyễn Thị Hằng	16/01/1997				
	160	Khuất Phương Anh	11/12/1997				
2	231	Lương Thị Duyên	02/01/2005	Nghệ An	9:56.1		HCB
	230	Bùi Thị Nhuận	25/09/2002				
	228	Lô Thị Thúy Hương	23/05/2003				
	229	Lê Thị Tuyết Mai	03/01/2006				
3	308	Nguyễn Thị Mỹ	19/09/2009	Thái Bình	10:10.8		HCD
	305	Lương Thị Hồng	31/01/2004				
	307	Phạm Thị Trà	16/09/2007				
	306	Ngô Thị Khánh Ny	18/10/2001				
4	117	Bùi Thị Khỏe	01/03/2000	Cần Thơ	11:00.3		
	118	Tiền Thị Thúy Kiều	02/01/2005				
	119	Phan Huỳnh Như	26/08/2007				
	121	Trần Thị Tuyết Nga	22/02/2006				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x100m (Hệ Vô địch) - Nam,Nữ - Chung kết

10.05

KL Quốc gia: 42.54/Thu-Chinh-Khoa-Lợi/TP.HCM/2020/Hà Nội

14/09/2024

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	157	Nguyễn Bá Kiên	08/02/2003	Hà Nội	41.8 Phá kỷ lục Quốc gia	KT	HCV
	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999				
	158	Nguyễn Văn Quyết	18/09/2003				
	164	Phùng Thị Huệ	28/01/2003				
2	240	Trịnh Việt Tú	20/06/1995	Quân Đội 1	42.7	KT	HCB
	254	Hoàng Dur Ý	19/07/2004				
	241	Bùi Văn Nghiêm	20/05/1995				
	253	Bùi Thị Nguyên	02/09/2001				
3	269	Châu Nguyên Phú	10/07/2001	TP Hồ Chí Minh	42.8	KT	HCD
	286	Lưu Kim Phụng	01/09/1996				
	268	Nguyễn Đăng Khoa	04/05/1999				
	285	Hà Thị Thu	29/07/1997				
4	242	Nguyễn Văn Đức	26/03/1999	Quân Đội 2	43.5	KT	
	255	Nguyễn Thị Hồng Vân	03/08/2001				
	244	Bùi Minh Dương	13/01/2000				
	256	Quách Thị Hồng Thúy	26/02/2002				

5	224	Nguyễn Văn An	22/04/2005	Nghệ An	44.2	KT	
	228	Lô Thị Thúy Hương	23/05/2003				
	225	Ngô Trí Linh	26/11/2005				
	227	Kha Thanh Trúc	18/08/2001				
6	311	Lương Văn Thao	09/09/1995	Thanh Hóa	45.3	C1	
	318	Quách Thị Hồng Nhung	16/05/2007				
	314	Nguyễn Hùng Việt	06/01/2004				
	317	Quách Thị Lan	18/10/1995				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x400m (Hệ Vô địch) - Nam,Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 3:18.45/Quang-Mai-Phúc-Lan/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	159	Nguyễn Xuân Quang	12/02/2004	Hà Nội	3:23.2	KT	HCV
	161	Nguyễn Thị Hằng	16/01/1997				
	151	Nguyễn Đức Sơn	11/03/1999				
	165	Hoàng Thị Minh Hạnh	12/09/1999				
2	226	Nguyễn Hồng Quân	27/04/2004	Nghệ An	3:27.8	KT	HCB
	229	Lê Thị Tuyết Mai	03/01/2006				
	224	Nguyễn Văn An	22/04/2005				
	228	Lô Thị Thúy Hương	23/05/2003				
3	193	Trần Anh Cường	13/01/1997	Khánh Hòa	3:29.8	KT	HCD
	219	Phan Võ Cát Tường	01/07/2009				
	192	Trần Nhật Hoàng	31/05/2000				
	218	Phan Võ Như Ý	09/06/2002				
4	314	Nguyễn Hùng Việt	06/01/2004	Thanh Hóa	3:31.6	C1	
	318	Quách Thị Hồng Nhung	16/05/2007				
	312	Nguyễn Tuấn Vũ	21/01/2000				
	317	Quách Thị Lan	18/10/1995				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x800m (Hệ Vô địch) - Nam,Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 8:15.53/Dũng-Thanh-Đảng-Hằng/Hà Nội/2023/Đà Nẵng

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	156	Giang Văn Dũng	03/01/2001	Hà Nội	8:48.7		HCV
	177	Nguyễn Thị Kim Thanh	31/03/2006				
	154	Trần Văn Đảng	05/02/2000				
	160	Khuất Phương Anh	11/12/1997				
2	299	Hà Minh Thái	25/12/2009	Thái Bình	9:23.5		HCB
	309	Nguyễn Thị Huyền Anh	12/09/2011				
	300	Phạm Bá Thắng	10/05/2005				
	306	Ngô Thị Khánh Ny	18/10/2001				
3	312	Nguyễn Tuấn Vũ	21/01/2000	Thanh Hóa	10:42.0		HCD
	319	Bùi Thị Hồng Hạnh	27/08/2010				
	311	Lương Văn Thao	09/09/1995				
	320	Nguyễn Ngọc Thảo My	10/05/2010				

HỆ VÔ ĐỊCH U23

Tiếp sức 4x100m (Hệ Vô địch U23) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 39.87/Vũ-Tú-Lợi-Nghĩa/ĐTQG/2022/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	220	Hoàng Hải Duy	01/08/2006	Lạng Sơn	41.5	KT	HCV
	221	Nguyễn Xuân Thịnh	29/05/2005				
	222	Nguyễn Anh Quân	11/08/2006				
	223	Dương Công Trường	19/02/2005				
2	182	Trần Văn Vũ	19/03/2005	Hà Tĩnh	41.7	KT	HCB
	184	Trần Nguyễn Khánh Duy	27/05/2006				
	187	Lê Đình Việt	20/06/2005				
	185	Nguyễn Quốc Thành	18/03/2006				
3	273	Trương Huỳnh Minh Trí	25/01/2007	TP Hồ Chí Minh	42.1	C1	HCD
	275	Nguyễn Duy Tân	30/01/2005				
	272	Võ Đăng Quy	16/04/2006				
	274	Ngô Võ Thanh Hùng	11/04/2008				
4	249	Nguyễn Tú Toàn	24/04/2005	Quân Đội	42.3	C1	
	252	Trần Hoàng Thanh	07/01/2004				
	251	Trần Anh Duy	04/06/2009				
	248	Đỗ Văn Công	04/01/2006				
5	167	Vũ Hoài Nam	16/08/2004	Hà Nội	42.6	C1	
	176	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008				
	168	Trương Hoài Nam	28/05/2005				
	171	Tạ Trung Kiên	27/03/2005				
6	263	Nguyễn Văn Thường	20/02/2004	Tây Ninh	PQ		
	264	Trương Phạm Đăng Khoa	06/01/2006				
	265	Trần Văn Bình	16/07/2006				
	262	Lê Hải Đăng	14/05/2004				

Tiếp sức 4x200m (Hệ Vô địch U23) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 1:24.06/Son-Hùng-Ánh-Nghĩa/CAND/2023/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	182	Trần Văn Vũ	19/03/2005	Hà Tĩnh	1:27.0 (1:26.91)	KT	HCV
	187	Lê Đình Việt	20/06/2005				
	185	Nguyễn Quốc Thành	18/03/2006				
	181	Lê Ngọc Phúc	21/06/2002				
2	220	Hoàng Hải Duy	01/08/2006	Lạng Sơn	1:27.0 (1:26.93)	KT	HCB
	221	Nguyễn Xuân Thịnh	29/05/2005				
	222	Nguyễn Anh Quân	11/08/2006				
	223	Dương Công Trường	19/02/2005				

3	273	Trương Huỳnh Minh Trí	25/01/2007	TP Hồ Chí Minh	1:27.4	KT	HCD
	272	Võ Đăng Quy	16/04/2006				
	275	Nguyễn Duy Tân	30/01/2005				
	276	Trần Minh Đạt	15/06/2006				
4	171	Tạ Trung Kiên	27/03/2005	Hà Nội	1:27.7	C1	
	176	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008				
	167	Vũ Hoài Nam	16/08/2004				
	168	Trương Hoài Nam	28/05/2005				
5	263	Nguyễn Văn Thương	20/02/2004	Tây Ninh	1:30.2	C1	
	265	Trần Văn Bình	16/07/2006				
	264	Trương Phạm Đăng Khoa	06/01/2006				
	262	Lê Hải Đăng	14/05/2004				

Tiếp sức 4x400m (Hệ Vô địch U23) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 3:07.34/Hoàng-Sơn-Lâm -Phúc/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	187	Lê Đình Việt	20/06/2005	Hà Tĩnh	3:15.4	C1	HCV
	182	Trần Văn Vũ	19/03/2005				
	186	Nguyễn Minh Tuấn	18/03/2007				
	181	Lê Ngọc Phúc	21/06/2002				
2	168	Trương Hoài Nam	28/05/2005	Hà Nội 1	3:16.5	C1	HCB
	166	Nguyễn Văn Trọng	26/10/2002				
	170	Nguyễn Xuân Ân	24/02/2007				
	167	Vũ Hoài Nam	16/08/2004				
3	297	Phạm Thế Anh	18/09/2005	Thái Bình	3:17.5	C1	HCD
	296	Hoàng Trọng Phiên	08/01/2007				
	295	Lương Bình Dương	05/05/2006				
	298	Vũ Ngọc Khánh	31/03/2006				
4	174	Nguyễn Đình Tá Tuấn	27/08/2008	Hà Nội 2	3:22.2	C1	
	176	Ngô Đức Mạnh	17/02/2008				
	169	Phạm Quốc Quân	08/01/2006				
	175	Nguyễn Tấn Nghĩa	18/10/2008				
5	276	Trần Minh Đạt	15/06/2006	TP Hồ Chí Minh	3:23.8		
	277	Huỳnh Gia Đức Huy	28/04/2006				
	280	Nguyễn Phước Huy Lâm	09/12/2007				
	279	Trần Tấn Đạt	03/02/2006				
6	264	Trương Phạm Đăng Khoa	06/01/2006	Tây Ninh	3:24.9		
	260	Đỗ Đức Thân	16/04/2004				
	259	Trần Văn Thương	07/03/2005				
	262	Lê Hải Đăng	14/05/2004				

Tiếp sức 4x800m (Hệ Vô địch U23) - Nam - Chung kết

KL Quốc gia: 7:35.09/Hoàng-T.Anh-Dũng-Đảng/Hà Nội/2022/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	297	Phạm Thế Anh	18/09/2005	Thái Bình	7:47.0	C1	HCV
	298	Vũ Ngọc Khánh	31/03/2006				
	295	Lương Bình Dương	05/05/2006				
	296	Hoàng Trọng Phiên	08/01/2007				
2	109	Nguyễn Văn Bảo	16/02/2007	Bắc Giang	7:56.5	C1	HCB
	106	Hoàng Viết Vĩ Ly	30/08/2004				
	108	Vũ Minh Thắng	17/02/2008				
	107	Sơn Tiến Phát	01/02/2005				
3	284	La Trần Ngọc Phúc	24/08/2009	TP Hồ Chí Minh	7:59.3	C1	HCD
	281	Hoàng Đức Huy	16/02/2005				
	206	Đàng Quốc Tuyên	09/04/2005				
	282	Nguyễn Văn Khang	09/04/2005				
4	144	Nguyễn Xuân Toàn	12/06/2010	Đồng Nai	8:12.4		
	146	Nguyễn Hoàng Thịnh	27/06/2007				
	143	Nguyễn Hữu Tình	08/02/2008				
	142	Lý Toàn Phát Dĩ	11/02/2003				
5	170	Nguyễn Xuân Ân	24/02/2007	Hà Nội	8:12.9		
	173	Lê Văn Tường	09/06/2007				
	172	Nguyễn Mạnh Duy	15/06/2005				
	169	Phạm Quốc Quân	08/01/2006				
6	259	Trần Văn Thương	07/03/2005	Tây Ninh	8:49.9		
	260	Đỗ Đức Thân	16/04/2004				
	266	Lê Hoàng Thân	15/04/2010				
	261	Trần Đình Khang	09/09/2006				

Tiếp sức 4x100m (Hệ Vô địch U23) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 43.88/Tuyền-Quỳnh-Hoa-Chinh/ĐTQG/2017/Malaysia

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	105	Nguyễn Thị Ngọc Mai	09/09/2007	An Giang	47.1	KT	HCV
	102	Võ Thị Hiền	02/09/2003				
	103	Khương Anh Thư	29/01/2004				
	101	Lê Thị Cẩm Tú	05/10/2005				
2	189	Nguyễn Hồng Nhung	20/07/2006	Hà Tĩnh	48.4	C1	HCB
	191	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008				
	190	Trần Thị Vĩnh Hà	22/03/2006				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				
3	293	Phan Thị Khánh Băng	11/05/2006	TP Hồ Chí Minh	48.5	C1	HCD
	291	Đào Huỳnh Minh Ánh	25/11/2005				
	292	Võ Thị Tường Vy	31/03/2005				
	290	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	24/06/2006				

4	133	Hoàng Thị Mai Hương	24/03/2006	Công An Nhân Dân	49.4	C1	
	132	Hoàng Thị Ngọc Khánh	31/10/2006				
	134	Lục Phi Yến	10/11/2008				
	135	Tòng Thị Hải Yến	01/06/2006				

Tiếp sức 4x200m (Hệ Vô địch U23) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 1:34.95/Phụng-Tuyền-Thu-Chinh/TP.HCM/2017/TP. HCM

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	102	Võ Thị Hiền	02/09/2003	An Giang	1:40.6	C1	HCV
	103	Khương Anh Thư	29/01/2004				
	104	Nguyễn Thị Ánh Dương	30/01/2004				
	101	Lê Thị Cẩm Tú	05/10/2005				
2	200	Lê Thị Ngọc Hoa	30/11/2008	Thanh Hóa	1:41.4	C1	HCB
	199	Nguyễn Thị Thương	03/06/2002				
	202	Mai Thị Ngọc Anh	01/01/2010				
	201	Lê Thị Thảo	26/05/2009				
3	133	Hoàng Thị Mai Hương	24/03/2006	Công An Nhân Dân	1:44.7	C1	HCB
	132	Hoàng Thị Ngọc Khánh	31/10/2006				
	136	Đỗ Thị Lan Anh	18/07/2007				
	134	Lục Phi Yến	10/11/2008				
4	294	Lê Tuyết Nga	15/11/2007	TP Hồ Chí Minh	1:45.2		
	291	Đào Huỳnh Minh Ánh	25/11/2005				
	292	Võ Thị Tường Vy	31/03/2005				
	290	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	24/06/2006				
5	189	Nguyễn Hồng Nhung	20/07/2006	Hà Tĩnh	PQ		
	191	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008				
	190	Trần Thị Vĩnh Hà	22/03/2006				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				

Tiếp sức 4x400m (Hệ Vô địch U23) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 3:30.81/Lan-Hàng-Hạnh-Ngọc/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	189	Nguyễn Hồng Nhung	20/07/2006	Hà Tĩnh	4:00.6		HCV
	190	Trần Thị Vĩnh Hà	22/03/2006				
	191	Lưu Ngọc Huyền	01/01/2008				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				
2	202	Mai Thị Ngọc Anh	01/01/2010	Thanh Hóa	4:02.9		HCB
	199	Nguyễn Thị Thương	03/06/2002				
	200	Lê Thị Ngọc Hoa	30/11/2008				
	201	Lê Thị Thảo	26/05/2009				
3	304	Nguyễn Thị Kim Thu	05/03/2006	Thái Bình	4:11.2		HCB
	303	Nguyễn Thị Diễm	20/03/2007				
	302	Lưu Thị Thu	03/09/2002				
	301	Nguyễn Thu Quyên	22/07/2003				

4	135	Tòng Thị Hải Yến	01/06/2006	Công An Nhân Dân	4:24.4		
	133	Hoàng Thị Mai Hương	24/03/2006				
	132	Hoàng Thị Ngọc Khánh	31/10/2006				
	134	Lục Phi Yến	10/11/2008				

Tiếp sức 4x800m (Hệ Vô địch U23) - Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 8:49.86/Hà-Duyên-Bích-Ngân/Nam Định/2022/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	304	Nguyễn Thị Kim Thu	05/03/2006	Thái Bình	9:30.1		HCV
	303	Nguyễn Thị Diễm	20/03/2007				
	302	Lưu Thị Thu	03/09/2002				
	301	Nguyễn Thu Quyên	22/07/2003				
2	149	Phạm Đỗ Bích Trân	18/08/2008	Đồng Nai	10:00.6		HCB
	150	Bùi Thanh Thảo	10/12/2011				
	148	Trương Hồng Uyên	08/01/2007				
	147	Cao Thị Thanh Thúy	31/10/2006				
3	236	Đỗ Vũ Kim Anh	22/08/2007	Quảng Nam	10:02.7		HCD
	238	Nguyễn Thị Trúc Linh	12/12/2008				
	237	Nguyễn Thị Vân	24/02/2008				
	235	Đoàn Thị Họa My	27/02/2007				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x100m (Hệ Vô địch U23) - Nam,Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 42.54/Thu-Chinh-Khoa-Lợi/TP.HCM/2020/Hà Nội

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	182	Trần Văn Vũ	19/03/2005	Hà Tĩnh	44.3	KT	HCV
	189	Nguyễn Hồng Nhung	20/07/2006				
	187	Lê Đình Việt	20/06/2005				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				
2	273	Trương Huỳnh Minh Trí	25/01/2007	TP Hồ Chí Minh	44.7	KT	HCB
	290	Nguyễn Phan Quỳnh Anh	24/06/2006				
	272	Võ Đăng Quy	16/04/2006				
	291	Đào Huỳnh Minh Ánh	25/11/2005				
3	248	Đỗ Văn Công	04/01/2006	Quân Đội	45.5	C1	HCD
	258	Bùi Mai Việt	06/12/2007				
	245	Đặng Văn Hoàn	03/01/2007				
	257	Phạm Anh Thùy	01/10/2007				
4	316	Phạm Quốc Anh	29/09/2007	Thanh Hóa	46.8		
	199	Nguyễn Thị Thương	03/06/2002				
	315	Quách Ngọc Minh	05/10/2008				
	201	Lê Thị Thảo	26/05/2009				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x400m (Hệ Vô địch U23) - Nam,Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 3:18.45/Quang-Mai-Phúc-Lan/ĐTQG/2024/Thái Lan

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	182	Trần Văn Vũ	19/03/2005	Hà Tĩnh	3:30.9	KT	HCV
	190	Trần Thị Vĩnh Hà	22/03/2006				
	181	Lê Ngọc Phúc	21/06/2002				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				
2	316	Phạm Quốc Anh	29/09/2007	Thanh Hóa	3:37.0	C1	HCB
	199	Nguyễn Thị Thương	03/06/2002				
	315	Quách Ngọc Minh	05/10/2008				
	201	Lê Thị Thảo	26/05/2009				
3	297	Phạm Thế Anh	18/09/2005	Thái Bình	3:46.7		HCD
	304	Nguyễn Thị Kim Thu	05/03/2006				
	298	Vũ Ngọc Khánh	31/03/2006				
	303	Nguyễn Thị Diễm	20/03/2007				
4	170	Nguyễn Xuân Ân	24/02/2007	Hà Nội	3:47.8		
	178	Chu Thị Hương Giang	11/02/2007				
	167	Vũ Hoài Nam	16/08/2004				
	180	Phạm Kiều Trinh	22/01/2008				

Tiếp sức Hỗn hợp 4x800m (Hệ Vô địch U23) - Nam,Nữ - Chung kết

KL Quốc gia: 8:15.53/Dũng-Thanh-Đảng-Hàng/Hà Nội/2023/Đà Nẵng

TT	Số đeo	Họ và tên	Năm sinh	Đơn vị	Thành tích	Đăng cấp	Ghi chú
1	296	Hoàng Trọng Phiên	08/01/2007	Thái Bình	8:44.9		HCV
	302	Lưu Thị Thu	03/09/2002				
	295	Lương Bình Dương	05/05/2006				
	301	Nguyễn Thu Quyên	22/07/2003				
2	186	Nguyễn Minh Tuấn	18/03/2007	Hà Tĩnh	9:00.8		HCB
	190	Trần Thị Vĩnh Hà	22/03/2006				
	181	Lê Ngọc Phúc	21/06/2002				
	188	Nguyễn Thị Ngọc	06/01/2002				
3	146	Nguyễn Hoàng Thịnh	27/06/2007	Đồng Nai	9:08.8		HCD
	150	Bùi Thanh Thảo	10/12/2011				
	142	Lý Toàn Phát Dĩ	11/02/2003				
	147	Cao Thị Thanh Thúy	31/10/2006				
4	173	Lê Văn Tường	09/06/2007	Hà Nội	10:42.1		
	180	Phạm Kiều Trinh	22/01/2008				
	169	Phạm Quốc Quân	08/01/2006				
	178	Chu Thị Hương Giang	11/02/2007				



BẢNG TỔNG SẮP HUY CHƯƠNG
GIẢI VÔ ĐỊCH ĐIỀN KINH CÁC NỘI DUNG TIẾP SỨC LẦN THỨ 3 NĂM 2024
Đà Lạt, từ ngày 10 - 15/09/2024

TH	Đơn vị	HCV	HCB	HCD	Tổng cộng
1	Hà Nội	8	3	0	11
2	Hà Tĩnh	5	3	0	8
3	Thái Bình	3	1	4	8
4	An Giang	2	0	0	2
5	TP Hồ Chí Minh	1	2	6	9
6	Đồng Nai	1	1	1	3
7	Lạng Sơn	1	1	0	2
8	Công An Nhân Dân	1	0	1	2
9	Thanh Hóa	0	4	2	6
10	Quân Đội	0	3	3	6
11	Nghệ An	0	3	1	4
12	Bắc Giang	0	1	0	1
13	Khánh Hòa	0	0	3	3
14	Quảng Nam	0	0	1	1
15	Bình Dương	0	0	0	0
15	Cần Thơ	0	0	0	0
15	Tây Ninh	0	0	0	0
Tổng cộng:		22	22	22	66